TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 / 3 /2023
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thúy Hằng và bà Huỳnh Thị Minh Hải

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp *"Ly hôn"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1982

Bị đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1985

Đồng trú tại: huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Anh Tr có mặt, chị M có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Trần Thị M tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Hội, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12/6/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2018, vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, hay kình cãi. Đến năm 2020, chị Mai làm đơn ly hôn nhưng tôi không đồng ý. Khoảng tháng 01/2022, chị M dẫn 02 con ra quê ngoại tại Nghệ An. Sau đấy, tôi tìm kiếm và chị M đồng ý về lại nhà ở nhưng tầm khoảng được 10 ngày thì chị M tiếp tục đi. Lần này, tôi tiếp tục tìm kiếm, khuyên về nhà ở nhưng chị M không đồng ý về, tính đến nay vợ chồng chúng tôi đã ly thân đã hơn 01 năm. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài và cần giải thoát cho mỗi bên nên tôi đề nghị được ly hôn với chị Trần Thị M

Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 02 (Hai) con chung cháu Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 09/9/2008 và cháu Nguyễn Trần Bảo T, sinh ngày 15/12/2013. Khi ly hôn mỗi người sẽ trực tiếp nuôi 01 cháu, cụ thể tôi trực tiếp nuôi cháu H và đồng ý giao cháu T cho chị M trực tiếp nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/3/2023, bị đơn chị Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi với anh Nguyễn Văn Tr tự tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Hội, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12/6/2007. Quá trình sống chung 15 năm cho đến nay, tính cách của tôi và anh Trường trái ngược nhau, không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung nên chúng tôi không thể sống chung được nữa. Tôi đã xin phép phía chồng và anh Tr về phía ngoại sống cùng với cháu Nguyễn trần Bảo T từ ngày 04/3/2022 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài và cần giải thoát cho mỗi bên nên tôi thống nhất ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr.

Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 02 (Hai) con chung cháu Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 09/9/2008 và cháu Nguyễn Trần Bảo T, sinh ngày 15/12/2013. Khi ly hôn mỗi người sẽ trực tiếp nuôi một cháu, cụ thể tôi trực tiếp nuôi cháu T và đồng ý giao cháu Hương cho anh Tr trực tiếp nuôi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không được vì chị Trần Thị M có đơn xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị Trần Thị M; thống nhất giao 01 (một) con chung cháu Nguyễn Trần Bảo T cho chị Mai trực tiếp nuôi; không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung và tài sản chung. Bị đơn chị Trần Thị M có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Trần Thị M vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Tại bản tự khai ngày 14/3/2023, bị đơn chị Trần Thị M đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr. Khi ly hôn, mỗi bên sẽ trực tiếp nuôi 01 con chung, cụ thể chị M sẽ trực tiếp nuôi cháu T và đồng ý giao cháu Hương cho anh Tr trực tiếp nuôi.

- Tại các biên bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án, bị đơn chị Trần Thị M đồng ý ly hôn và đồng ý xét xử vắng mặt.

- Tại giấy trình bày, cháu Nguyễn Thị Kim H đồng ý ở với anh Tr; cháu Nguyễn Trần Bảo T đồng ý ở với chị M

Với những tài liệu, chứng cứ trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Tr và chị Trần Thị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, ai sống mặc ai không quan tâm đến ai, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và chính chị Trần Thị M đồng ý ly hôn, quyết định tình trạng hôn nhân của mình. Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Trần Văn Tr.

[3] Về con chung: Các cháu Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Trần Bảo T đã hơn 07 tuổi và đều có nguyện vọng riêng của các cháu. Hiện nay cháu T đang ở với chị M và cháu H đang ở với anh Tr. Để bảo đảm sự ổn định phát triển bình thường của cháu và căn cứ quyền lợi mọi mặt của cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Kim H cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr trực tiếp nuôi và giao cháu Nguyễn Trần Bảo Tồn cho chị Trần Thị M trực tiếp nuôi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr. Anh Nguyễn Văn Tr được ly hôn với chị Trần Thị M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 09/9/2008 cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr trực tiếp nuôi và giao cháu Nguyễn Trần Bảo T, sinh ngày 15/12/2013 cho bị đơn chị Trần Thị M trực tiếp nuôi.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009343 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa nên không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên(01);
- VKSND H. Phú Hòa (02);
- CC THADS H. Phú Hòa (01);
- Các đương sự (02);
- UBND xã Hòa Hội, H.Phú Hòa(01);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Minh Tâm